

Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN)
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** QHL
- 3. Địa chỉ các trụ sở:**
 - Trụ sở chính: Tòa E1, 144, đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://law.vnu.edu.vn>
- 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0243.7549714
- 6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh** (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi): Trường Đại học Luật, ĐHQGHN không tổ chức thi.
- 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo** (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...):

<https://law.vnu.edu.vn>

<https://law.vnu.edu.vn/article-Bao-cai-thuong-nien-nam-2025-40031-3580.html>

II. Tuyển sinh đào tạo đại học NĂM 2025

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

- a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành

dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;

Đối tượng dự tuyển ở trên phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.2. Thí sinh là người nước ngoài phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;

2. Mô tả phương thức tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 (xét tuyển)

Năm 2025, Trường Đại học Luật sử dụng các phương thức xét tuyển như sau:

Phương thức	Mã phương thức	Tên phương thức (xét tuyển)
Phương thức 1	100	- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL iBT) để xét tuyển
Phương thức 2	301	Xét tuyển thẳng/ Ưu tiên xét tuyển theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8)
Phương thức 3	401	Xét kết quả thi Đánh giá năng lực (ĐGNL) do ĐHQGHN tổ chức
Phương thức 4	500	- Ưu tiên xét tuyển theo quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh của ĐHQGHN và Thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Luật; - Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường dự bị đại học

2.1. Phương thức 1 (Mã 100): Xét tuyển theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025; Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển

2.1.1. Xét tuyển theo kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Áp dụng cho các thí sinh có điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025. Nhà Trường sử dụng 06 tổ hợp xét tuyển và không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển, các môn trong tổ hợp là hệ số 1.

Đối với các thí sinh đã có bằng tốt nghiệp THPT và/ hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp nếu có nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Luật năm 2025, phải dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 để có cơ sở xét tuyển, thí sinh lựa chọn môn thi phù hợp với các tổ hợp xét tuyển của Nhà Trường.

2.1.2. Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển

Đối với các tổ hợp có môn tiếng Anh, thí sinh có thể sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS, TOEFL) quy đổi ([*theo Phụ lục III*](#)) thay cho môn Tiếng Anh kết hợp với điểm của 2 môn còn lại trong tổ hợp để xét tuyển.

2.2. Phương thức 2 (Mã 301): Xét tuyển thẳng và Ưu tiên xét tuyển áp dụng đối với các đối tượng theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT

2.2.1. Xét tuyển thẳng

- Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào ngành/ chương trình đào tạo của Trường theo nguyện vọng của thí sinh;
- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế một trong các môn thi Toán, Vật lý, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia;
- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi Khoa học, kỹ thuật (nhóm Khoa học xã hội và hành vi) cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia.

Thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng.

2.2.2. Ưu tiên xét tuyển:

Đối với các thí sinh quy định tại Mục 2.2.1 dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng), Nhà Trường sẽ xem xét cộng điểm không quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (thang điểm 30), cụ thể như

sau:

- Giải nhất trong kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế hoặc cuộc thi Khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia: được cộng **3.0** điểm;
- Giải nhì trong kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia: được cộng **2.5** điểm;
- Giải ba trong kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế hoặc cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia: được cộng **2.0** điểm;
- Giải khuyến khích trong kỳ thi chọn HSG quốc gia, quốc tế; Giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức/ cử tham gia: được cộng **1.5** điểm.

Thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

2.3. Phương thức 3 (Mã 401): Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức

Xét tuyển thí sinh có kết quả thi ĐGNL học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức (không phân biệt tổ hợp xét tuyển). Ngưỡng điểm xét tuyển thực hiện theo quy định của ĐHQGHN và của Bộ GDĐT.

Thời gian dự thi không quá 02 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

2.4. Phương thức 4 (Mã 500): Ưu tiên xét tuyển theo quy định trong tuyển sinh của ĐHQGHN và của Trường Đại học Luật; Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học

2.4.1. Ưu tiên xét tuyển theo quy định trong tuyển sinh của ĐHQGHN và của Trường Đại học Luật

2.4.1.1. Học sinh THPT trên toàn quốc được **ưu tiên xét tuyển** (bằng phương án cộng điểm vào kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT) vào các chương trình/ ngành đào tạo bậc đại học tại Trường Đại học Luật nếu tốt nghiệp THPT, có kết quả học tập cả 3 năm cấp THPT được đánh giá mức tốt (*học lực xếp loại giỏi trở lên*) và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- a) Đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- b) Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi (HSG) bậc THPT cấp ĐHQGHN;
- c) Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

** Môn thi đoạt giải bao gồm: Toán, Vật lý, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh.*

** Nội dung đề tài dự thi đoạt giải thuộc nhóm Khoa học xã hội và hành vi.*

Phương án cộng điểm đối với các thí sinh thuộc đối tượng này như sau:

- Giải nhất (HSG bậc THPT của ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **2.5** điểm;
- Giải nhì (HSG bậc THPT của ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **2.0** điểm;
- Giải ba (HSG bậc THPT của ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **1.5** điểm;

2.4.1.2. Thí sinh đạt kết quả cao trong kỳ thi SAT (tối thiểu từ 1200/1600 điểm) mức cộng điểm như sau:

- Đạt từ 1200 đến dưới 1300: được cộng **0.5** điểm;
- Đạt từ 1300 đến dưới 1400: được cộng **1.0** điểm;
- Đạt từ 1400 đến dưới 1500: được cộng **1.5** điểm;
- Đạt từ 1500 đến 1600: được cộng **2.0** điểm.

2.4.1.3. Học sinh THPT thuộc ĐHQGHN đã tham gia Chương trình VNU 12+ theo Quyết định số 2008/QĐ-ĐHQGHN ban hành ngày 16/05/2024 của Giám đốc ĐHQGHN, có kết quả học tập THPT (trung bình 3 năm) đạt từ 9.0, có điểm môn học Tiếng Anh bậc THPT đạt từ 7.0/10 hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ (IELTS từ 5.5/ TOEFL iBT từ 72 điểm) đã tích lũy đủ 03 học phần trong CTĐT của 1 trong 4 ngành/ CTĐT trình độ đại học của Trường Đại học Luật để tính GPA được cộng điểm vào kết điểm thi tốt nghiệp THPT, mức điểm cộng như sau:

- GPA đạt loại xuất sắc: cộng **2.5** điểm;
- GPA đạt loại giỏi: cộng **2.0** điểm;
- GPA đạt loại khá: cộng **1.5** điểm.

2.4.1.4. Thí sinh đạt tiêu chí quy định tại mục 2.4.1.1 thời gian đoạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

Đối với thí sinh đạt tiêu chí quy định tại Mục 2.4.1.2 thời gian dự thi chứng chỉ không quá 02 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

Đối với thí sinh đạt tiêu chí quy định tại Mục 2.4.1.3 được ưu tiên xét tuyển trong năm tốt nghiệp THPT.

2.4.2. Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học

Xét tuyển theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT ban hành ngày 31/12/2021.

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Quy đổi ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển được thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN, Trường sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN.

4. Ngành/ Chương trình và Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy:

- Năm 2025, Trường Đại học Luật tuyển sinh 04 ngành/ chương trình đào tạo.
- Tổng chỉ tiêu cho 04 ngành/ chương trình đào tạo: **1.100**

Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ chương trình đào tạo như sau:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1		Luật					
1.1		Luật	7380101	Luật	500		
	100					- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025; - Tổ hợp XT: C03, A07, A01, D01, D14, D15.	
	100					- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển; - Tổ hợp XT: A01, D01, D14, D15.	
	301					Xét tuyển thẳng/ UTXT theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.	
	401					Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức.	
	500					Ưu tiên xét tuyển theo quy định trong tuyển sinh của ĐHQGHN và Thông tuyển sinh của Trường Đại học Luật.	
	500					Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học.	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.2		Luật chất lượng cao (theo tiêu chí của ĐHQGHN)	7380101CLC	Luật CLC	60		
	100					- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025; - Tổ hợp XT: C03, A07, A01, D01, D14, D15.	Điều kiện ngoại ngữ (Xem quy định cụ thể tại mục 5.4)
	100					- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển; - Tổ hợp XT: A01, D01, D14, D15.	
	301					Xét tuyển thẳng/ UTXT theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.	
	401					Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức.	
	500					Ưu tiên xét tuyển theo quy định trong tuyển sinh của ĐHQGHN và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Luật.	
2		Luật Kinh doanh	7380110		380		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
	100					- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025; - Tổ hợp XT: C03, A07, A01, D01, D14, D15.	
	100					- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển; - Tổ hợp XT: A01, D01, D14, D15.	
	301					Xét tuyển thẳng/ UTXT theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.	
	401					Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức.	
	500					Ưu tiên xét tuyển theo quy định trong tuyển sinh của ĐHQGHN và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Luật.	
	500					Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học.	
3		Luật Thương mại quốc tế	7380109		160		
	100					- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025; - Tổ hợp XT: C03, A07, A01, D01, D14, D15.	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
	100					- Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với chứng chỉ quốc tế để xét tuyển. - Tổ hợp XT: A01, D01, D14, D15.	
	301					Xét tuyển thẳng/UTXT theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.	
	401					Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức.	
	500					Ưu tiên xét tuyển theo quy định trong tuyển sinh của ĐHQGHN và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Luật.	
	500					Xét tuyển thí sinh là học sinh các trường Dự bị đại học.	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường Đại học Luật

5.1. Địa chỉ đào tạo năm nhất: học tại Khu Đô thị Hòa Lạc; Từ năm thứ 2 đến khi tốt nghiệp học tại: Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

5.2. Điểm cộng:

- Đối tượng được cộng điểm, mức điểm cộng: Được quy định tại Mục 2.2 và 2.4 của văn bản này;
- Nguyên tắc cộng điểm: Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi

chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt không vượt quá 10% mức điểm tối đa thang điểm xét (tối đa 03 điểm đối với thang điểm 30).

5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo đối với các mã tuyển sinh theo ngành:

Năm 2025 (Khóa QH- 2025/ K70) Trường Đại học Luật tuyển sinh ngay từ đầu đối với 03 mã ngành, 04 chương trình đào tạo (Mục 4), trong đó có 01 chương đào tạo Luật chất lượng cao theo tiêu chí của ĐHQGHN. Việc lựa chọn các ngành/ chương trình đào tạo và các tổ hợp xét tuyển dựa trên các căn cứ sau:

- Việc tổ chức thực hiện tuyển sinh bảo đảm nguyên tắc tối ưu hóa quyền lợi và mở rộng cơ hội lựa chọn cho các thí sinh;
- Sử dụng các phương thức xét tuyển cho tất cả các ngành/ chương trình đào tạo;
- Nhà Trường sử dụng 06 tổ hợp xét tuyển cho tất cả các ngành/ chương trình đào tạo. Việc lựa chọn các tổ hợp xét tuyển được nhà Trường xem xét, cân nhắc để tạo cơ hội cho thí sinh ở những vùng miền khác nhau, cũng như tạo điều kiện cho thí sinh lựa chọn môn thi tốt nghiệp, môn đăng ký xét tuyển vào đại học phù hợp.
- Các ngành/ chương trình đào tạo nhận được sự quan tâm của thí sinh và phụ huynh trong nhiều năm gần đây.

5.4. Những thông tin khác:

a) Nguyên tắc xét tuyển

- Nhà Trường xét tuyển (đối với từng thí sinh) theo mức độ ưu tiên từ cao xuống thấp trong các nguyện vọng (NV) đã đăng ký (NV1 là NV ưu tiên cao nhất). Thí sinh được đăng ký không giới hạn NV theo ngành tuyển sinh và chỉ trúng tuyển 01 (một) NV có ưu tiên cao hơn và sẽ không được xét các NV có mức độ ưu tiên tiếp theo.
- Nhà Trường xét tuyển theo mã ngành, lấy điểm từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu của từng ngành, không phân biệt thứ tự NV giữa các thí sinh (trừ các thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, Trường sẽ sử dụng tiêu chí phụ là thứ tự NV, để xét chọn thí sinh có thứ tự NV cao hơn).
- Điểm xét tuyển theo thang 30 và làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

- Ở phương thức xét tuyển theo kết quả thi THPT, đối với tổ hợp xét tuyển có môn ngoại ngữ, Trường Đại học Luật chỉ sử dụng kết quả điểm thi trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT của Bộ GDĐT; Không sử dụng điểm thi được bảo lưu từ kỳ thi THPT những năm trước để tuyển sinh, không cộng điểm ưu tiên cho thí sinh có chứng chỉ nghề.

- Chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy được điều chuyển linh hoạt giữa các ngành, bảo đảm tổng chỉ tiêu không vượt chỉ tiêu đã công bố.

b) Yêu cầu bổ sung đối với phương thức xét tuyển kết hợp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế:

Đối với phương thức kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 với chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế để xét tuyển (IELTS và TOEFL iBT), thí sinh phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh IELTS tối thiểu 5.5, TOEFL iBT tối thiểu 72 hoặc các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương.

+ Chứng chỉ ngoại ngữ phải đủ 4 kỹ năng và điểm tối thiểu từng kỹ năng là 5 điểm (theo thang điểm 10), (quy đổi tương đương: IELTS mỗi kỹ năng tối thiểu đạt 4.5 và TOEFL iBT tối thiểu từng kỹ năng đạt 15). Không sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ thi Online - Home edition.

+ *Nguyên tắc xét tuyển:* Quy đổi điểm ngoại ngữ theo quy định của ĐHQGHN ([*Xem Phụ lục III*](#)) cộng với điểm hai môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển, làm điều kiện xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

c) Yêu cầu bổ sung đối với chương trình đào tạo Luật CLC (theo tiêu chí của ĐHQGHN):

Thí sinh đăng ký xét tuyển vào chương trình đào tạo Luật CLC phải đáp ứng một trong các yêu cầu dưới đây về ngoại ngữ (Tiếng Anh):

+ Kết quả môn Ngoại ngữ của kì thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đạt tối thiểu 5.0 điểm (theo thang điểm 10);

+ Điểm trung bình chung môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh) 6 học kỳ của cấp THPT đạt tối thiểu 7.0 điểm;

+ Có chứng chỉ quốc tế Tiếng Anh (IELTS, TOEFL) đáp ứng điều kiện được miễn thi bài thi Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ GDĐT.

d) Trách nhiệm của thí sinh

- Thí sinh ĐKNV xét tuyển vào Trường Đại học Luật, cần tìm hiểu kỹ Thông tin tuyển sinh của Trường và thực hiện các quy định về điều kiện, hồ sơ, quy trình, thời gian nộp hồ sơ ĐKXT. Thí sinh không đăng ký nguyện vọng vào những ngành, CTĐT hay phương thức tuyển sinh mà không đủ điều kiện.

- Thí sinh ĐKXT theo các Phương thức khác (không bao gồm Phương thức Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT) phải đọc kỹ và thực hiện đúng theo Phụ lục IV (kèm theo văn bản này).

- Khai báo đầy đủ và bảo đảm tính chính xác của tất cả thông tin đăng ký dự tuyển, đặc biệt thông tin khu vực và đối tượng ưu tiên (nếu có).

- Trong quá trình xét tuyển và khi sinh viên đang theo học, Trường sẽ tổ chức thanh tra, kiểm tra hồ sơ (đặc biệt là giấy tờ để được hưởng chế độ ưu tiên của thí sinh) và điểm xét tuyển của thí sinh. Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin đăng ký trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT và cổng thông tin xét tuyển của Trường. Trường có quyền từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Kế hoạch tuyển sinh, Thông báo tuyển sinh: Căn cứ kế hoạch tuyển sinh của Bộ GDĐT, Trường Đại học Luật thông báo Kế hoạch, Thông báo tuyển sinh cụ thể trên website: <http://law.vnu.edu.vn>.

6.2. Thời gian, địa điểm và hình thức thu nhận hồ sơ:

Thời gian, địa điểm và hình thức thu nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, sơ tuyển điều kiện UTXT theo các Phương thức (không bao gồm Phương thức Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT): thí sinh xem và thực hiện theo [Phụ lục IV](#) của văn bản này.

7. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

Nhà Trường áp dụng chính sách ưu tiên theo quy chế tuyển sinh hiện hành theo

khu vực và theo đối tượng, cụ thể:

7.1. Ưu tiên theo khu vực ([Phụ lục I](#) của văn bản này)

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2 - NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm, khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

7.2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách ([Phụ lục II](#) của văn bản này)

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng từ 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm.

7.3. Mức điểm ưu tiên: Các mức điểm ưu tiên được quy định nêu trên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số); Trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

7.4. Công thức: Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức như sau: $\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại Mục 7.1 và 7.2.}$

7.5. Lưu ý: Thông tin về ưu tiên theo khu vực, đối tượng; hồ sơ và quy trình khai báo, xác nhận thông tin để được hưởng ưu tiên theo khu vực, đối tượng, thí sinh có thể xem tại [Phụ lục V](#).

8. Lệ phí xét tuyển:

Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ GDĐT và các quy định hiện hành của nhà nước.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh: Nhà Trường cam kết thực hiện giải quyết khiếu nại theo quy định; Bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh (nếu có).

10. Các nội dung khác

10.1. Học phí: dự kiến mức học phí đối với khóa tuyển sinh ĐHCQ năm 2025:

STT	NỘI DUNG	MỨC HỌC PHÍ 01 THÁNG	MỨC HỌC PHÍ 01 NĂM	MỨC HỌC PHÍ 01TC	TỔNG HỌC PHÍ TOÀN KHÓA	GHI CHÚ
I	NGÀNH LUẬT HỌC					
1	NĂM HỌC 2025-2026	2,703,000	27,030,000	761,000	127,753,300	04 năm (Dự kiến lộ trình học phí được duyệt ngày 12/03/2025)
2	NĂM HỌC 2026-2027	3,043,000	30,430,000	857,000		
3	NĂM HỌC 2027-2028	3,347,300	33,473,000	943,000		
4	NĂM HỌC 2028-2029	3,682,030	36,820,300	1,037,000		
II	NGÀNH LUẬT TMQT					
1	NĂM HỌC 2025-2026	2,703,000	27,030,000	789,000	127,753,300	04 năm (Dự kiến lộ trình học phí được duyệt ngày 12/03/2025)
2	NĂM HỌC 2026-2027	3,043,000	30,430,000	888,000		
3	NĂM HỌC 2027-2028	3,347,300	33,473,000	977,000		
4	NĂM HỌC 2028-2029	3,682,030	36,820,300	1,075,000		
III	NGÀNH LUẬT KINH DOANH					
1	NĂM HỌC 2025-2026	2,862,000	28,620,000	806,000	135,268,200	04 năm (Dự kiến lộ trình học phí được duyệt ngày 12/03/2025)
2	NĂM HỌC 2026-2027	3,222,000	32,220,000	908,000		
3	NĂM HỌC 2027-2028	3,544,200	35,442,000	998,000		
4	NĂM HỌC 2028-2029	3,898,620	38,986,200	1,098,000		
IV	NGÀNH LUẬT CHẤT LƯỢNG CAO					
1	NĂM HỌC 2025-2026	3,180,000	31,800,000	810,000	150,298,000	04 năm (Dự kiến lộ trình học phí được duyệt ngày 12/03/2025)
2	NĂM HỌC 2026-2027	3,580,000	35,800,000	912,000		
3	NĂM HỌC 2027-2028	3,938,000	39,380,000	1,003,000		
4	NĂM HỌC 2028-2029	4,331,800	43,318,000	1,104,000		

10. 2. Tuyển sinh chương trình đào tạo thứ 2 (văn bằng Kép)

1. Đối tượng tuyển sinh: Sinh viên đang học tại các đơn vị đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội theo hình thức đào tạo chính quy.

2. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025: **200**.

3. Điều kiện, nguyên tắc xét tuyển: tại thời điểm đăng ký xét tuyển, sinh viên phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã học ít nhất hai học kỳ của chương trình đào tạo thứ nhất;
- Điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học đến thời điểm đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai đạt từ 2,5 trở lên và đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh hoặc điểm trung bình chung tất cả các học phần tính từ đầu khóa học đến thời điểm đăng ký học chương trình đào tạo thứ hai đạt từ 2,0 trở lên và đáp ứng các điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

10.3. Tuyển sinh chương trình vừa làm vừa học (VLVH)

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025: **350**.

Thí sinh xem thông tin cụ thể trên website của Trường.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất (xem Phụ lục VII).

12. Thông tin liên hệ và tư vấn tuyển sinh

- Tên đơn vị: Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Địa chỉ: Phòng 307B, Nhà E1, số 144, Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, Hà Nội;
- Điện thoại liên hệ: **02437.549.714** (liên hệ trong giờ hành chính);
- Website: <http://law.vnu.edu.vn>;
- Email: tuvantuyensinhTruongluat@gmail.com;
- Facebook: <https://www.facebook.com/tuyensinhTruongluat.vnu>.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại
----	-----------	---------	------------

1	TS. Nguyễn Thị Lan	Trưởng phòng ĐT&CTHSSV	0243. 7549714
2	ThS. Đỗ Thị Bích Nguyệt	P. Trưởng phòng ĐT&CTHSSV	
3	TS. Cấn Thị Thanh Hương	Chuyên viên phòng ĐT&CTHSSV	
4	ThS. Bùi Thị Chinh Phương		
6	ThS. Văn Xuân Quỳnh Trang		